

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST.

Ngày: 04/3/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông P. L. L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông P. T. L.

2. Ông Đ. H. L.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà N. T. K. H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:**  
Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **M. T. T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/6/1985, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: M. C. K (chết) và bà: N. N. K. H, SN: 1958; Vợ: N. T. M. T, SN: 1991, con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **N. H. T**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/01/1995, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: N. H, SN: 1969 và bà: N. T. T, SN: 1970; Vợ: Đ. T. T. T, SN

2000, con: 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cầm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

*\* Người bị hại:*

- Ông Đ. Q. V; sinh năm: 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông D. B. T; sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông H. Đ. D; sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A.T, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông N. V. V; sinh năm: 1971. (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A.T, xã K, huyện A, tỉnh B.

- Ông L. Đ. T; sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A.T, xã K, huyện A, tỉnh B.

*\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông L. L; sinh năm: 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B.

- Chị N. T. M. T; sinh năm: 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện A, tỉnh B.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vì muốn có cây cảnh để chơi, M. T. T và N. H. T đã rủ nhau thực hiện một số vụ trộm cây cảnh trên địa bàn xã K, huyện A, cụ thể như sau:

Tối ngày 02/10/2020 M. T. T điều khiển xe mô tô 79L1-251.64 chở N. H. T đi chơi và rủ N.H.T trộm cây cảnh về chơi thì được N.H.T đồng ý. Khi đến nhà Đ. Q. V ở thôn L, xã K thấy trong sân gần tường rào có 01 cây trâm châu có hai thân dáng trực bay, cao khoảng 70cm, tán rộng 100cm và 01 cây trắc gai dáng trực bay, cao 30cm, hoành thân 50cm, tán rộng 70cm nên cả hai cùng dừng xe đứng ngoài với vào trong nhà trộm hai cây nói trên đem cất giấu ở bờ ruộng gần đó. M.T.T và N.H.T tiếp tục điều khiển xe đi dạo, khi đến nhà D. B. T ở thôn Q, xã K phát hiện trong sân nhà có nhiều cây cảnh nên dừng xe lại, N.H.T đứng cạnh hàng rào cảnh giới và nhổ 01 cây sam cao khoảng 29cm, tán rộng 30cm còn M.T.T nhổ được 01 cây sam dáng trực cao 46cm, tán rộng 43cm để trên bàn ghế đá sát tường, trộm xong cả hai tiếp tục chở cây đi đến quán P. B của anh H. Đ. D ở thôn A.T, xã K thấy trong sân có 01 cây hải châu có 3 chân dáng trực cao 50cm, tán rộng 20cm nên nhổ trộm được. Cả hai lên xe quay lại lấy 02 cây trâm châu và trắc gai đã giấu ở bờ ruộng quay về nhà.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 01 (Một) cây sam cao 40cm trị giá 700.000 đồng; 01 (Một) cây sam cao 29cm trị giá 400.000 đồng; 01 (Một) cây trâm châu trị giá 700.000 đồng; 01 (Một) cây trắc trị giá 600.000 đồng; 01 (Một) cây hải châu trị giá 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tối ngày 16/11/2020 M. T. T, N. H. T đến uống rượu tại nhà ông L. L ở thôn C, xã T. Khoảng 22h cùng ngày, N.H.T rủ M.T.T và L.L đến xã K tìm nơi lấy trộm cây cảnh về chơi thì được cả hai đồng ý. M.T.T lấy băng keo và giấy dán lên biển số kiểm soát xe 79L1-251.64 để tránh bị phát hiện rồi cả ba người cùng đi. Khi đến nhà N. V. V ở thôn A.T, xã K thấy trước nhà có 01 cây mai dáng trực, chiều cao 62cm, hoành gốc 15cm, cây có 8 chi, tán rộng nhất 53cm trồng trong chậu nên cả bọn dừng xe cách khoảng 05m, L.L đứng trông xe còn M.T.T và N.H.T nhổ cây mai khỏi chậu rồi cùng nhau chở cây đến trước trường tiểu học số 1 xã K cất giấu. N.H.T và L.L đứng giữ cây mai còn M.T.T tiếp tục điều khiển xe đi trộm. Đến trước nhà ông L. Đ. T ở thôn A.T, xã K nhổ trộm 01 cây mai dáng trực lắc, chiều cao 50cm, hoành gốc 12cm, cây có 7 chi, tán rộng nhất 70cm trồng trong chậu trước nhà thì bị nhân dân phát hiện bắt giữ.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: 01 (Một) cây mai dáng trực có 8 chi trị giá 1.200.000 đồng, 01 (Một) cây mai có dáng trực trị giá 600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng).

Như vậy, trong hai đêm ngày 02/10/2020 và 16/11/2020 M. T. T và N.H.T đã tham gia và trực tiếp trộm được 07 cây cảnh các loại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám, trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã tạm giữ và xử lý trả lại cho người bị hại: 02 (Hai) cây mai, 02 (Hai) cây sam, 01 (Một) cây trâm châu và 01 (Một) cây hải châu.

Đối với cây trâm châu của Đ. Q. V bị chết, M. T. T và N. H. T đã thống nhất bồi thường cho anh Đ.Q.V 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)

Những người bị hại sau khi nhận lại tài sản bị trộm và được bồi thường đều không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A 01 (Một) xe mô tô biển số kiểm soát 79L1-251.64 và 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô đứng tên chủ sở hữu M. T. T.

*Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSPC, ngày 12/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo M. T. T và N. H. T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo M. T. T và N. H. T về tội: “

Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo M. T. T với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo N. H. T với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo M. T. T và N. H. T đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vì muốn có cây cảnh để chơi, M. T. T và N. H. T đã lợi dụng đêm khuya và sự sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý các loại cây cảnh để ở sân vườn nên đã trộm cắp được một số loại cây cảnh của nhiều người trên đại bàn xã K, huyện A, tỉnh B giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.800.000 đồng vào các đêm ngày 02/10/2020 và 16/11/2020.

Vụ án tuy có 02 người tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Cả hai đều là người khởi xướng và thực hành; Tuy

thực hiện nhiều vụ trộm cắp trong hai đêm nhưng trị giá tài sản của từng vụ đều dưới 2.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm về tổng giá trị tài sản là 4.800.000 đồng.

Hành vi của M. T. T và N. H. T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của nhiều người một cách trái pháp luật, tuy giá trị tài sản không lớn nhưng đã làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây xôn xao dư luận trong quần chúng nhân dân, do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

Đối với ông L. L đã tham gia cùng M. T. T và N. H. T các vụ trộm cắp cây cảnh đêm 16/11/2020 tuy nhiên giá trị tài sản chưa đến 2.000.000 đồng nên không đủ yếu tố để xử lý về hình sự do đó cơ quan CSĐT Công an huyện A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo M. T. T và N. H. T về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo M. T. T và N. H. T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo M. T. T và N. H. T phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS mà được hưởng các tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ý ăn năn hối cải, hậu quả vụ án đã được khắc phục kịp thời, những người bị hại không có yêu cầu gì về tài sản. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự có nơi cư trú rõ ràng động cơ mục đích phạm tội không vì mục đích kiếm lợi mà là để thỏa mãn thú vui chơi cây cảnh do đó không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe đồng thời tạo điều kiện cho các bị cáo phấn đấu học tập tự cải tạo để sửa chữa sai lầm. Đề nghị của đại diện VKSND huyện A tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Không.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô 79L1-251.64 có giấy tờ hợp pháp, là tài sản chung của vợ chồng M. T. T đã mua để làm phương tiện đi lại, sinh

hoạt buôn bán tuy được M.T.T làm phương tiện để thực hiện tội phạm nhưng xét hậu quả của vụ án không lớn và đã được khắc phục kịp thời hơn nữa chỉ là mang tính bộc phát nên không cần thiết phải tịch thu mà xem xét trả lại cho vợ chồng M. T. T là phù hợp.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo M. T. T và N. H. T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo M. T. T với mức án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/3/2021.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS để xử phạt bị cáo N. H. T với mức án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/11/2020 đến ngày 27/11/2020. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/3/2021.

Giao bị cáo M. T. T và N. H. T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Về trách nhiệm dân sự: Không.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS trả lại cho M.T. T chiếc xe mô tô 79L1-251.64, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 79L1-251.64.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo M. T. T và N. H. T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, riêng người bị hại vắng mặt thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**P. L. L**